

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28 /12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Quản lý đất đai/Bachelor of Land Administration
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Quản lý đất đai/ Land Administration
Mã ngành/Code:	7850103
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	167/QĐ-ĐHKTQD ngày 02/03/2018 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Kiểm định chương trình:	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý đất đai nhằm đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về quản lý đất đai và cập nhật với tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, đồng bộ và đa ngành, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có kỹ năng thực hiện việc phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong quản lý, sử dụng và phát triển đất đai; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên
PO2	Có kiến nền tảng về kinh tế, quản lý đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai
PO3	Có kiến thức lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực tài nguyên đất đai và môi trường
PO4	Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp, đề xuất giải quyết và ra quyết định về các vấn đề trong quản lý và phát triển đất đai
PO5	Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin hiệu quả trong công việc quản lý và sử dụng đất đai
PO6	Có kỹ năng phản biện, kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm hiệu quả
PO7	Có sức khỏe và có đủ năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ.
PO8	Có tinh thần và nhận thức đúng đắn, ý thức thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Hiểu được các lý thuyết quản lý và khai thác được kiến thức toán học, kinh tế và quản lý khi phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề trong hoạt động quản lý, khai thác kinh tế đất, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
PLO1.5	Hiểu được các kiến thức kinh tế trong đánh giá và dự báo tác động của chính sách; xem xét các công cụ hỗ trợ trong quá trình thực hiện phân tích chính sách đất đai
PLO1.6	Phân tích được mối quan hệ giữa các chủ thể quản lý và đối tượng quản lý trong các hoạt động quản lý và sử dụng đất đai theo cơ chế thị trường.
PLO1.7	Giải thích các lý thuyết quản lý, các lý thuyết kinh tế khi phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về phân bổ và quản lý đất đai trong nền kinh tế;
PLO1.8	Lựa chọn các kiến thức để xây dựng khung phân tích, đánh giá, ra quyết định trong hoạt động quản lý, sử dụng và phát triển đất đai.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Có kỹ năng trong sử dụng các công cụ cơ bản phân tích kinh tế và kinh

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
	doanh, sử dụng và khai thác được các công nghệ, kĩ thuật trong phân tích kinh tế và quản lý hỗ trợ cho công việc liên quan đến quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường.
PLO2.4	Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý nhà nước về đất đai và những hoạt động liên quan đến đầu tư, phát triển và sử dụng đất của tổ chức & cá nhân.
PLO2.5	Có kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc; có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn trong lĩnh vực quản lý đất đai.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, đưa ra các kết luận về các vấn đề trong quản lý kinh tế đất, tài chính đất đai và giá đất (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn trong quản lý và phát triển đất đai (mức 4).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO03	PO04	PO05	PO6	PO7	PO8
PLO1.1	x							
PLO1.2		x						
PLO1.3	x				x			
PLO1.4			x					
PLO1.5			x					
PLO1.6				x				
PLO1.7		x		x				
PLO1.8			x					
PLO2.1					x			
PLO2.2					x			
PLO2.3	x				x			

PLO2.4				X			X	
PLO2.5						X		
PLO3.1						X		X
PLO3.2			X			X		
PLO3.3							X	
PLO3.4								X

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Sinh viên tốt nghiệp Chương trình cử nhân Quản lý đất đai có cơ hội làm việc tại:
 - + Các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai từ Trung ương đến địa phương và các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ công về đất đai;
 - + Các bộ phận thuộc ban Đảng, phòng ban tại các cơ quan, sở ngành liên quan đến quản lý và bố trí sử dụng đất đai như: xây dựng; tài chính; kế hoạch & đầu tư; nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - + Các tập đoàn, tổng công ty, công ty đầu tư phát triển đất đai và bất động sản, công ty cung cấp dịch vụ về đất đai trong thị trường đất đai & bất động sản;
 - + Các phòng/ ban về định giá đất, tư vấn pháp lý về đất đai trong các ngân hàng, tổ chức tài chính và quỹ đầu tư;
 - + Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ, các dự án liên quan đến các vấn đề về đất đai và chính sách đất đai;
 - + Các viện nghiên cứu và các trường đại học có nghiên cứu và đào tạo về quản lý đất đai.
- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành quản lý đất đai có khả năng học tập nâng cao ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ ở tất cả các ngành của trường ĐH KTQD cũng như các trường đại học khác trong cả nước.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

ke

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
6	6	Pháp luật đại cương / Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	1.3. Các học phần chung của lĩnh vực			12		
12 13 14 15	1	Quản lý học 1 Essentials of Manangement 1	QLKT1101	3	III	
	2	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	II	
	3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socil-Economic Research Methods	PTCC1128	3	II	
	4	Kinh tế môi trường Environmental Economics	MTKT1133	3	III	
	2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			83		
	2.1. Các học phần chung của nhóm ngành			12		
16 17 18 19	1	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	II	
	2	Quản lý nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3	III	
	3	Kinh tế tài nguyên Economics of Natural Resources	TNTN1145	3	III	
	4	Quản lý tài nguyên và môi trường Natural Resources and Environmental Management	MTKT1119	3	III	
	2.2. Các học phần của ngành			61		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			31		
20 21 ... 29	1	Kinh tế đất 1 Land Economics 1	TNDC1124	3	V	
	2	Quản lý nhà nước về đất đai 2 Land Administration 2	TNDC1143	3	V	TNDC1130
	3	Pháp luật đất đai Land Law	LUKD1194	3	III	
	4	Quản lý đô thị Urban Manangement	MTDT1120	3	VI	
	5	Những nguyên lý cơ bản về địa chính Principles of Land Administration	TNDC1126	3	IV	
	6	Định giá đất Land Valuation	TNDC1138	3	VII	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	7	Quy hoạch sử dụng đất Land Use Planing	TNDC1132	3	VI	
	8	Đăng ký thống kê đất và bất động sản Land and Real Estate Registration and Statistics	TNDC1103	3	VII	
	9	Đo đạc địa chính Cadastral Survey	TNDC1122	3	VI	
	10	Chuyên đề thực tế Project	TNDC1152	4	IV-VI	
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)			30		
V30 ... 34 35 ... 39	1	Kinh tế đất 2 Land Economics 2	TNDC1140	3	VI	TNDC1124
	2	Kinh tế tuần hoàn Circular Economy	MTKT1166	3	III	
	3	Kinh tế nông nghiệp Agricultural Business	TNKT1138	3	VI	
	4	Phân tích chính sách đất đai Land Policy Analysing	TNDC1141	3	VII	
	5	Quy hoạch vùng và đô thị Urban and Regional Planning	MTDT1114	3	V	
	6	Tài chính đất đai Land Finance	TNDC1145	3	VII	
	7	Định giá Bất động sản Real Estate Valuation	TNBD1127	3	VI	
	8	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3	V	
	9	Quản lý bất động sản Real Estate Manangement	TNBD1116	3	VII	
	10	Lập dự án đầu tư Investment Project Design	DTKT1108	3	IV	
	11	Quản lý tài sản công Public Assets Manangement	NHCO1119	3	V	
	12	Thẩm định dự án có sử dụng đất Land Using Investment Project Assessment	TNDC1139	3	VII	
	13	Cơ sở dữ liệu đất đai Land Database	TNDC1116	3	VI	
	14	Hệ thống thông tin địa lý Geographic Information System	MTDT1106	3	V	
	15	Dự báo kinh tế xã hội 1 Social Economic Forecasting 1	PTCC1126	3	III	
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		TNDC1151	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây:

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	
Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic
	Câu hỏi gợi mở	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Chiến lược dạy học tương tác/Hợp tác	Bài tập nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế.
	Thuyết trình	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học
Chiến lược dạy kỹ năng tư duy	Nghiên cứu tình huống	Thông qua việc yêu cầu sinh viên giải quyết một tình huống, vấn đề trong thực tế. Qua đó, giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế.
Chiến lược tự học	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân
	Bài tập cá nhân	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế.
	Học theo dự án	Được áp dụng trong một số học phần chuyên sâu, đề án, chuyên đề tốt nghiệp. Giúp sinh viên vận dụng các nội dung chương trình học vào vấn đề thực tế, phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên sâu
Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	Thảo luận	Sinh viên sẽ được chia thành nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết tình huống. Qua đó, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống.
	Thực tập, đi thực tế	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học để giải quyết vấn đề thực tế. Hiểu rõ môi trường

		làm việc thực tế ngành nghề đang được đào tạo, nhận biết các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.
--	--	---

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình:

- Điểm chuyên cần (10%) được đánh giá dựa trên các tiêu chí mức độ tham gia lớp học đầy đủ, mức độ chuẩn bị bài học ở nhà, mức độ sinh viên tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên và mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên.

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (40%): bài kiểm tra cá nhân có thể dưới hình thức bài kiểm tra trên lớp có sử dụng hoặc không sử dụng tài liệu, bài tiểu luận cá nhân. Bài thảo luận và trình bày nhóm có thể dưới dạng phân tích tình huống mà giảng viên cung cấp, lập dự án, viết tiểu luận. Bài kiểm tra cá nhân và bài thảo luận, trình bày nhóm có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo.

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).

- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.

- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

CTĐT ngành Quản lý đất đai Đại học Kinh tế Quốc dân tham khảo các CTĐT đã được kiểm định theo tiêu chuẩn nước ngoài:

- CTĐT ngành Kỹ sư Quản lý đất đai - Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên được kiểm định và công nhận bởi AUN - QA (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN) vào năm 2022.
https://docs.google.com/document/d/1MHQPB1WrQ9Z_2SuPyD2umS5-Bcsxgjdq/edit

- CTĐT ngành Quản lý đất đai – Đại học Cần Thơ được kiểm định và công nhận bởi AUN – QA (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN) vào năm 2021.
https://lrd.ctu.edu.vn/images/doc/programme_specification_2020_2021_vn.pdf

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, Môi trường và bảo vệ môi trường, Khoa học xã hội và hành vi phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế học, Kinh doanh, Quản trị, quản lý phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, Môi trường và bảo vệ môi trường, Khoa học xã hội và hành vi phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế học, Kinh doanh, Quản trị, quản lý phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương